

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-12-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Nguyễn Thị Tô;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Đình L**, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B (*Có mặt*)

- Bị đơn: Bà **Trần Thị L1**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Trần Đình L trình bày: Ông và bà Trần Thị L1 đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, sau khi đăng ký kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa quan điểm sống, nên cả hai đã không chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay. Hiện nay ông không còn tình cảm với bà L1 nữa, do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà L1.

Về con chung: Có một con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 03/7/2011. Ông yêu cầu giao con chung cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Trần Thị L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2020 bà Liên trình bày: Bà và ông L đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T. Mặc dù sống chung nhưng giữa ông bà không có tình cảm với nhau, không chia sẻ quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Khi bà sinh con được 05 tháng thì cả hai không chung sống cùng nhau từ đó cho đến nay. Thời gian cả hai không chung sống khoảng 09 năm. Nay bà cũng không còn tình cảm với ông L nữa, tuy nhiên, vì lý do tôn giáo nên bà không đồng ý ly hôn. Nếu ông L yêu cầu ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có một con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 03/7/2011. Bà yêu cầu được nuôi con chung Trần Khánh V, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, ông Trần Đình L được ly hôn với bà Trần Thị L1; Giao con chung Trần Khánh V cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Đình L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L1 và giao con chung cho bà L1 nuôi dưỡng, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn,

tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị L1 có nơi cư trú tại thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà Trần Thị L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà L1 và ông L đăng ký kết hôn ngày 17/4/2010 tại UBND xã T, huyện H trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông L trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không sống chung từ năm 2011 đến nay. Bản thân bà L1 cũng thừa nhận vợ chồng bà sống chung nhưng không có tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, cả hai đã không sống chung khoảng chín năm, tuy nhiên vì lý do tôn giáo nên bà không đồng ý ly hôn với ông L. Theo biên bản xác minh tại địa phương cũng thể hiện vợ chồng ông L và bà L1 không chung sống khoảng 05-06 năm. Mặc dù có khác nhau về khoảng thời gian không sống chung, nhưng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và xác minh tại địa phương đều thể hiện ông L và bà L1 đã không sống chung với nhau trong một thời gian dài.

Tại phiên tòa ông L khẳng định không còn tình cảm với bà L1 nữa và kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà L1. Bản thân bà L1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại biên bản lấy lời khai bà cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L, bà không đồng ý ly hôn với ông L chỉ vì lý do tôn giáo.

Những căn cứ nêu trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà L1 thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã không còn sống chung, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải chấp nhận cho ông L được ly hôn với và L1.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà L1 có một con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 03/7/2011. Ông L yêu cầu giao con chung cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L1 cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung vì cháu V sống cùng với bà L1 từ khi mới sinh ra đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai, bà L1 trình bày nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Khánh V. Tại phiên tòa bà L1 vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện việc thay đổi những ý kiến đã trình bày trong biên bản lấy lời khai về nguyện vọng được nuôi con chung. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu Trần Khánh V là muốn sống cùng mẹ. Ngoài ra, cháu V là con gái, đang trong quá trình hình

thành và phát triển tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc của mẹ để phát triển bình thường tâm sinh lý về sau.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung Trần Khánh V cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao con chung cho bà L1 nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo được sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình L đối với bà Trần Thị L1 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình L được ly hôn với bà Trần Thị L1.

2. Về con chung: Bà Trần Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Khánh V, sinh ngày: 03/7/2011.

Ông Trần Đình L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Ông Trần Đình L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình

sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001862 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Ông L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

